

TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2024/DS-ST

Ngày 19/6/2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Công Tâm

Ông Nguyễn Tấn Ảnh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Thủy Dương – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 262/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST-DS ngày 06.5.2024 giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Duy L**, sinh năm: 1966; Địa chỉ: **F N, quận S, thành phố Đà Nẵng**, có mặt.

- Bị đơn: Ông **Phạm Thái H**; Địa chỉ: **A T, phường , quận H, thành phố Đà Nẵng (Garager T)**, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Nguyễn Thị T**; Địa chỉ: **A T, phường , quận H, thành phố Đà Nẵng (Garager T)**, có mặt.

Ông **Trần Anh S**; Địa chỉ: **A L, quận H, thành phố Đà Nẵng**, vắng mặt.

Công ty TNHH MTV T1. Địa chỉ: **A T, phường , quận H, thành phố Đà Nẵng**.
Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Thái H1** – Giám đốc, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông **Trần Duy L** trình bày:* Vào ngày 20/11/2021, ông **L** có đem chiếc xe ô tô 4 chỗ hiệu Sangzong Actyon đời cũ 2006 máy dầu, mang biển số: 43A-616.87 đến **gara T2** ở địa chỉ **A đường T, quận H thành phố Đà Nẵng** để sửa máy, ông **H1** đã nhận và cam kết sửa hoàn chỉnh máy. Ông **L** đã chuyển cho ông **H1** theo báo giá sửa

chữa số tiền là 37.450.000 đồng để ông H1 sửa xe, tuy nhiên xe vẫn trong tình trạng hỏng nặng, không chạy được.

Ông L có gọi cứu hộ kéo xe từ gara của ông H1 chuyển sang gara khác để sửa chữa. Tại đơn vị sửa chữa mới thì ông L đã sửa lại những hạng mục có trong báo giá sửa chữa gồm: Đóng nòng 3.200.000 đồng, sec măng 2.800.000 đồng, roăng phốt đại tu 3.400.000 đồng, cây béc phun 7.500.000 đồng, nhớt máy 900.000 đồng, lọc nhớt 320.000 đồng, nước làm mát 300.000 đồng. Tổng cộng là 18.420.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện ông L yêu cầu ông H1 trả lại số tiền 49.000.000 đồng đã nhận sửa xe cho ông L. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông L yêu cầu ông H1 phải trả lại số tiền 18.420.000 đồng trong những hạng mục ông H1 chưa sửa được phải nhờ đơn vị khác sửa chữa đã nêu trên. Ông L xác định ông L giao dịch sửa xe với ông H1, đã chuyển tiền cho ông H1 nên ông L yêu cầu ông H1 hoàn trả lại số tiền trên. Giao dịch sửa xe là giữa ông Trần Duy L và ông Phạm Thái H, không liên quan đến Công ty TNHH MTV T1.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Trần Thái H2, ông L không đồng ý vì ông H2 không hề trao đổi với ông L và không biết ông H2 có thay thế các phụ tùng như ông H2 đã nói hay không và sau khi xe đưa qua bên ông S sửa chữa thì ông L đã mang trả lại cho ông H2 04 cây peck và 04 trái piston, ông L chỉ yêu cầu sửa chữa theo những hạng mục theo bảng dự toán các bên đã thống nhất

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Phạm Thái H trình bày: Ông Phạm Thái H không đồng ý với yêu cầu của ông L. Ông H xác nhận đã nhận của ông L số tiền là 37.450.000 đồng để sửa chữa ô tô của ông L theo các hạng mục trong báo giá sửa chữa. Nay ông H thống nhất với các hạng mục mà ông L đã nhờ đơn vị khác sửa chữa lại gồm: Đóng nòng 3.200.000 đồng, sec măng 2.800.000 đồng, roăng phốt đại tu 3.400.000 đồng, cây béc phun 7.500.000 đồng, nhớt máy 900.000 đồng, lọc nhớt 320.000 đồng, nước làm mát 300.000 đồng. Tổng cộng là 18.420.000 đồng.

Thời điểm sau khi xe được sửa chữa xong tại gara của ông H thì xe ông L vẫn chạy được, có hiện tượng ra khói.

Ông H đồng ý sẽ trả cho ông L số tiền 18.420.000 đồng với điều kiện ông L mang trả lại các phụ tùng trong những hạng mục ông H đã sửa chữa. Sau khi làm xong các hạng mục đã thống nhất như báo giá thì có phát sinh thêm một số hạng mục cần được khắc phục và phía ông H đã xử lý nhưng xe đã cũ hệ thống điện và hộp có vấn đề nên xe vẫn trục trặc sau nhiều lần xử lý xe vẫn còn khói, phía ông H có báo với ông L. Ông L lại mang xe qua 1 gara khác làm và bắt phía ông H phải hỗ trợ chi phí đó. Ông H đã đồng ý và hứa sẽ hỗ trợ một phần nào đó chi phí làm xe nhưng phải báo lại cho ông H biết. Nay ông H yêu cầu ông L giao lại các phụ tùng thực tế bên ông H có thay mà ông L nói gara khác phải thay lại để thợ kiểm tra và kiểm chứng nhằm mục đích hỗ trợ lại chi phí như ông L yêu cầu.

Ông H có yêu cầu phản tố yêu cầu ông L giao lại các phụ tùng đã thay thế cụ thể là: bộ dây điện khoang máy và hộp điều hoà trị giá 3.500.000 đồng; cụm máy phát và củ đề trị giá 4.500.000 đồng; cụm van túc bơm trị giá 2.500.000 đồng và nắp đậy cam trị giá 1.200.000 đồng. Tổng cộng 11.700.000 đồng. Đây là những phụ tùng cũ ông H đã thay vào.

Những hạng mục liên quan đến yêu cầu phản tố không nằm trong các phụ tùng mà ông L yêu cầu sửa chữa thay thế ban đầu và nằm ngoài hạng mục dự toán do phát sinh hư hỏng, ông H đã gọi điện báo với ông L, ông L đồng ý thay thế nhưng ông L cho rằng sau khi thay thế xe vẫn không chạy được do vậy hai bên có gọi điện thống nhất mang qua bên gara ông S sửa chữa và ông H chỉ đồng ý thanh toán lại số tiền 18.420.000 đồng với điều kiện ông L mang trả lại các phụ tùng trong những hạng mục ông H đã sửa chữa, thay thế với số tiền là 11.700.000 đồng, khấu trừ số tiền ông L yêu cầu thì số tiền ông H còn phải trả cho ông L là 6.720.000 đồng. Ông H là người có đơn yêu cầu phản tố đối với ông L, không liên quan đến Công ty TNHH MTV T1.

Ông H xác định việc giao dịch sửa chữa xe cho ông L là cá nhân ông H thực hiện không liên quan gì đến Công ty TNHH MTV T1, nếu xác định ông L yêu cầu là có cơ sở thì cá nhân ông H sẽ có nghĩa vụ thanh toán tiền cho ông L.

Trong quá trình giải quyết, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Anh S trình bày: Vào khoảng giữa tháng 6/2022, ông S có nhận sửa chiếc xe ô tô 4 chỗ của tôi hiệu Sangzong Actyon đời cũ 2006 máy dầu, mang biển số: 43A-61687 của ông Trần Duy L tại địa chỉ lô B P, quận S, thành phố Đà Nẵng (Gara Anh S).

Trước khi nhận xe vào sửa chữa thì ông S có yêu cầu ông L và ông H xác định lại các bộ phận của xe phần nào hư hỏng, phần nào cần sửa chữa, các bên xác nhận nên ông L yêu cầu ông S thực hiện việc sửa chữa, thay thế những bộ phận sau:

Phần đại tu máy: Vòi phun đáy piston 04 giá 1.600.000đ, Bộ P giá 6.000.000đ, Đóng xylanh 04 giá 3.200.000đ, X măng giá 3.400.000đ, Lọc nhớt 140.000đ, Nhớt máy 1.125.000đ, Bộ R đại tu 3.500.000đ, Dầu roda giá 1.000.000đ, Nước mát máy giá 300.000đ, C đại tu 5.000.000đ.

Phát sinh ngoài dự tính: Két nước 01 bộ giá 4.400.000đ, Bộ K phun tháo xe 10.000.000đ.

Tổng chi phí hết 39.665.000đ.

Ông S được biết trước khi mang xe đến ông S sửa thì ông Trần Duy L có mang xe này đến sửa chữa tại gara ông Phạm Thái H.

Trong quá trình kiểm tra, tháo lắp, sửa chữa ông S nhận thấy xe có phụ tùng gia công, còn lại gần như đều là đồ cũ, việc ông H có thay thế phụ tùng, thiết bị gì không thì ông S không biết.

Khi xe vào gara Anh S thì ông H và ông S có trao đổi trực tiếp qua điện thoại về việc sửa chữa và thống nhất việc sửa chữa tại gara Anh S, ông H không đề cập đến

vấn đề lưu giữ những phụ tùng đã thay nên ông S không có trách nhiệm phải giữ. Khi giao xe ông S có giao cho ông L một số phụ tùng cũ như sau: 01 hộp ECU, bộ K phun 04 cái và theo ông L nói thì đã giao phụ tùng cũ trên cho ông H.

Đối với phần sửa chữa, thay thế phát sinh thêm như ông H trình bày gồm bộ dây điện khoang máy và hộp điều hoà trị giá 3.500.000 đồng; cụm máy phát và củ đề trị giá 4.500.000 đồng; cụm van túc bộ trị giá 2.500.000 đồng và nắp đậy cam trị giá 1.200.000 đồng; tổng cộng 11.700.000 đồng thì trong xe không có thay thế phụ tùng mới, việc ông H có thay thế phụ tùng cũ hay không thì ông S không xác định được và ông S cũng không thực hiện việc thay thế các phụ tùng này.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà T là nhân viên làm việc cho ông H, bà T không rõ cụ thể trao đổi giữa ông H và ông L, bà T chỉ nhận tiền từ ông L đã chuyển lại cho ông H. Việc ông L và ông H tranh chấp bà T không rõ và không có ý kiến gì.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV T1 trình bày: Ông Phạm Thái H là Giám đốc Công ty TNHH MTV T1, việc sửa chữa xe của ông L là do cá nhân ông H thực hiện không liên quan đến Công ty TNHH MTV T1. Những nội dung tranh chấp trong vụ án này giữa ông L và ông H thì Công ty TNHH MTV T1 không liên quan gì. Nếu xác định ông L yêu cầu là có cơ sở thì ông Phạm Thái H sẽ có nghĩa vụ thanh toán tiền cho ông L.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, phát biểu:

Đối với thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nội dung vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phần trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay và các quy định của pháp luật, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phạm Thái H phải trả cho ông Trần Duy L số tiền là 18.420.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phạm Thái H đối với ông Trần Duy L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Duy L khởi kiện yêu cầu ông Phạm Thái H hoàn trả tiền phát sinh từ giao dịch sửa chữa xe, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phạm Thái

H có địa chỉ tại quận H, thành phố Đà Nẵng, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Anh S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Trần Anh S.

[2] Về nội dung: Ngày 20/11/2021 ông Trần Duy L có mang chiếc xe ô tô 4 chỗ hiệu Sangzong Actyon đời cũ 2006 máy dầu, biển số: 43A-616.87 đến gara của ông Phạm Thái H để sửa. Ông H đã nhận và báo giá sửa chữa xe các hạng mục với tổng số tiền là 37.450.000 đồng. Ông H xác nhận đã nhận của ông L số tiền là 37.450.000 đồng để sửa chữa ô tô của ông L theo các hạng mục trong báo giá sửa chữa. Sau khi ông H thực hiện sửa chữa theo các hạng mục đã thống nhất nhưng xe vẫn chưa lưu hành được nên giữa ông L và ông H thống nhất ông L sẽ mang xe đến gara của ông Trần Anh S để sửa chữa. Những hạng mục mà ông L xác định gara ông S sửa chữa lại gồm: Đóng nòng 3.200.000 đồng, sec măng 2.800.000 đồng, roăng phốt đại tu 3.400.000 đồng, cây béc phun 7.500.000 đồng, nhớt máy 900.000 đồng, lọc nhớt 320.000 đồng, nước làm mát 300.000 đồng. Tổng cộng là 18.420.000 đồng nên ông L yêu cầu ông H có nghĩa vụ hoàn trả số tiền này lại cho ông L. Ông H không đồng ý thanh toán khoản tiền này vì ông H cho rằng ông L không hoàn trả lại các phụ tùng ông H đã thay thế liên quan đến các hạng mục ông S sửa chữa.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Sau khi sửa chữa xe tại gara ông Phạm Thái H thì ông Trần Duy L có báo ông H nhưng không đúng chất lượng như các bên đã thoả thuận, ông L có trao đổi với ông H về việc sẽ mang xe đến sửa chữa tại gara ông Trần Anh S, thực tế đã sửa chữa một số hạng mục: Đóng nòng 3.200.000 đồng, sec măng 2.800.000 đồng, roăng phốt đại tu 3.400.000 đồng, cây béc phun 7.500.000 đồng, nhớt máy 900.000 đồng, lọc nhớt 320.000 đồng, nước làm mát 300.000 đồng. Ông Trần Anh S và ông Trần Duy L đều xác định có sửa chữa các hạng mục này và đã báo cho ông Phạm Thái H biết. Ông H xác định trường hợp buộc phải hoàn trả tiền cho ông L thì đây là nghĩa vụ của cá nhân ông H. Ông H sửa chữa xe cho ông L nhưng chưa đảm bảo chất lượng theo yêu cầu nên đồng ý cho ông L mang xe đến gara khác sửa chữa, do đó thuộc trường hợp dịch vụ được cung ứng không đạt như thoả thuận nên bên sử dụng dịch vụ có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 4 Điều 519 Bộ luật Dân sự. Do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Duy L, buộc ông Phạm Thái H có nghĩa vụ hoàn trả cho ông L số tiền 18.420.000 đồng.

Xét yêu cầu phản tố của ông Phạm Thái H yêu cầu ông L giao lại các phụ tùng đã thay thế giá trị cụ thể là: bộ dây điện khoang máy và hộp điều hoà trị giá 3.500.000 đồng; cụm máy phát và củ đề trị giá 4.500.000 đồng; cụm van tấc bộ trị giá 2.500.000 đồng và nắp đậy cam trị giá 1.200.000 đồng. Tổng cộng 11.700.000 đồng, thì thấy: Ông Phạm Thái H xác định đây là những phụ tùng cũ thay vào, các hạng mục này không nằm trong báo giá sửa chữa đã thông báo cho ông L, trước khi thay ông H có trao đổi với ông L. Ông H cho rằng ông L đã đồng ý nên mới thay thế. Xét thấy, những hạng mục sửa này không nằm trong báo giá mà ông H đã báo cho ông L, việc ông H có thay thế hay không và có thực hiện thay thế các phụ tùng này

hay không thì ông L không thống nhất và cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu này nên HĐXX không có căn cứ chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phạm Thái H.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của ông Trần Duy L được chấp nhận nên ông Phạm Thái H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 357; 468; 513; 516; 517; 519 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Duy L về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*” đối với ông Phạm Thái H.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phạm Thái H đối với ông Trần Duy L.

1. Buộc ông Phạm Thái H phải trả cho ông Trần Duy L số tiền là 18.420.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông Phạm Thái H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 921.000 đồng do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và 300.000 đồng do không chấp nhận yêu cầu phản tố. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông Phạm Thái H đã nộp theo biên lai thu số 0000254 ngày 29/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Ông Phạm Thái H còn phải nộp 921.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Trần Duy L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.225.000 đồng theo biên lai thu số 0001242 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương Thảo